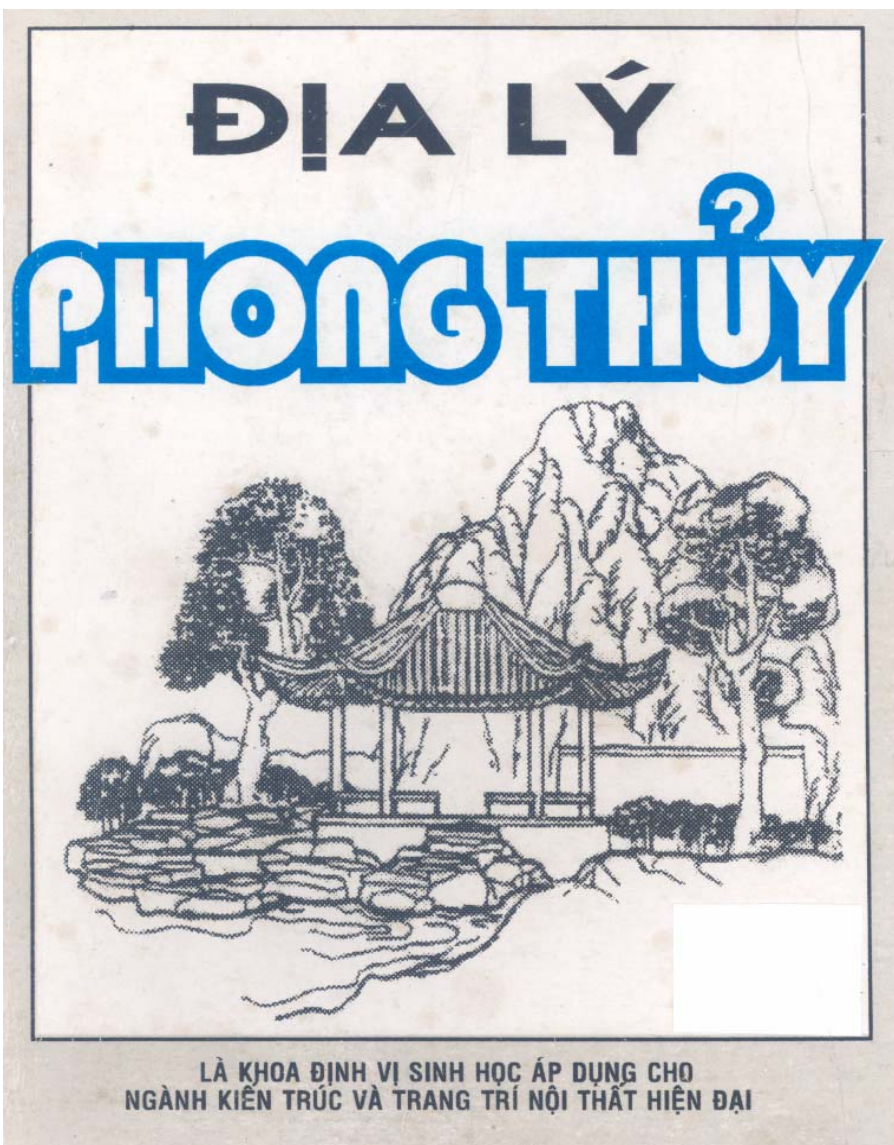


TRẦN VĂN HẢI  
TỦ SÁCH SINH HỌC NĂM 1992

**TẬP 11. THỰC HÀNH THUẬT PHONG  
THỦY. CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ  
MẠNG LỖ**



**TRẦN VĂN HẢI**

NGUYÊN TRƯỞNG BAN SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN  
KHOA ĐỊA LÝ PHONG THỦY VIỆT NAM QUỐC TỰ SÀI GÒN NĂM 1972

**THỰC HÀNH THUẬT  
PHONG THỦY  
CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ MẠNG  
LY**

Sách in từng tập bằng máy vi tính giá thành cao  
nên không bán chỉ làm quà tặng cho các thân hữu

**1992**

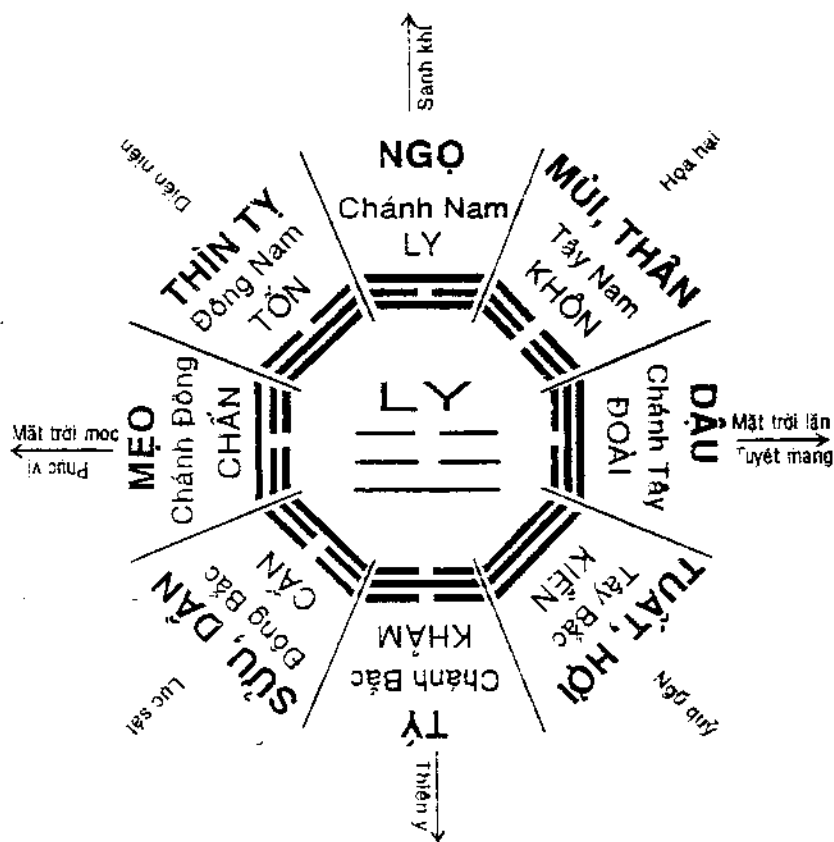


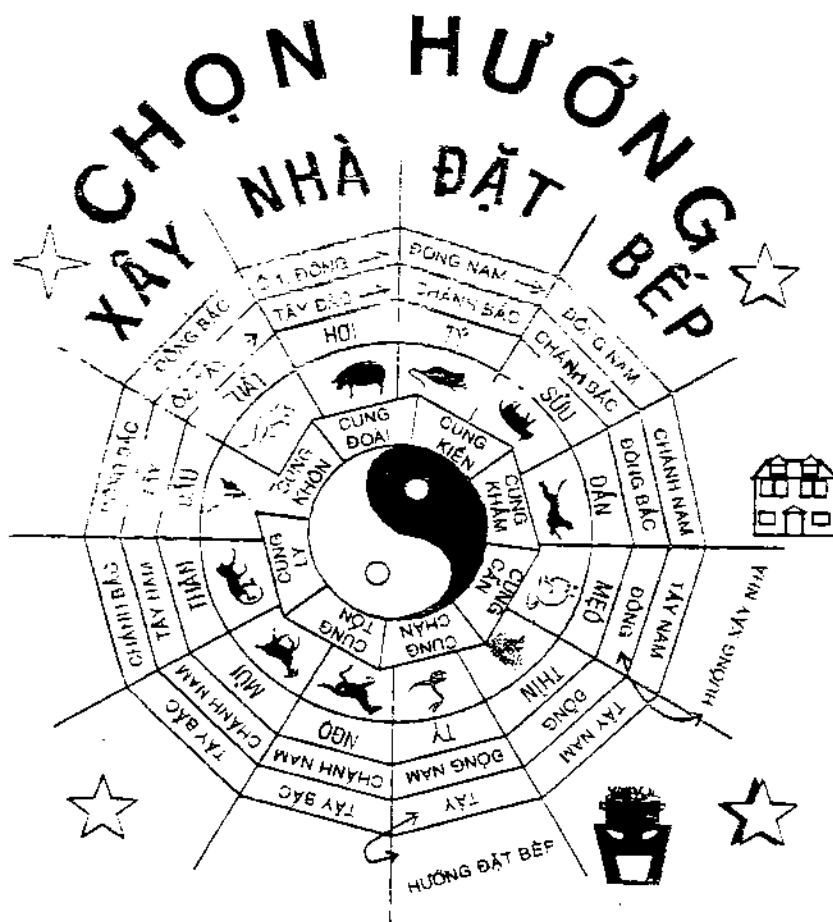
離

LY VI HỎA  
LỬA

# CHUYÊN ĐỀ LÝ GIẢI CÁC SINH HOẠT TẠI NỘI THẤT CỦA CHỦ NHÀ MẠNG

## LY





Chú ý : Ở - theo chiều mũi tên dành cho HƯỚNG ĐẶT BẾP .  
 Còn HƯỚNG XÂY NHÀ thuộc chiều mũi tên của Ở 2.  
 Ví dụ : Tuổi Hợi đặt bếp hướng Đông Tuổi Tý tuổi Sửu  
 đặt hướng Đông Bắc. Xây nhà hướng Tây với tuổi Hợi

# BIỂU TƯỢNG VẠN VẬT SỞ THUỘC CUNG LY

Những điều nói trong “Tượng Loại Vạn Vật” là tượng vật của quẻ thuần. Nhiều người thắc mắc hỏi: Khi quẻ thượng và quẻ hạ không giống nhau thì làm thế nào, làm sao? (Gặp trường hợp này phải xem là quẻ gì, quẻ dưới là quẻ gì, đoán việc gì, sau đó xem mỗi quẻ chủ tượng gì, như vậy là được. Ví dụ: đoán về ăn uống được quẻ “Tụng” (䷌) quẻ Kiến của quẻ thượng trong tượng vật của thức ăn là vật gì, quẻ Khảm của quẻ hạ trong tượng vật của thức ăn là vật gì, như thế là trong bàn ăn có những món gì sẽ rất rõ ràng. Đối với quẻ Hổ, quẻ biến cũng làm như vậy. Tượng quẻ khác cũng làm như vậy. Trong việc nghiên cứu chuyên đề về tượng loại vạn vật, chúng ta cần lưu ý các điều sau đây:

- 1/ Giao thời giữa tháng 9 và tháng 10 mùa thu, chuyển từ tháng, năm: Tuất sang Hợi; giờ ngày tháng năm của Ngũ kim nghĩa là tháng 9 là Tuất, tháng 10 là Hợi, quẻ Kiến chính ở ngôi này, cho nên thời gian ứng sự của quẻ này có thể đoán định vào các năm, tháng, ngày, giờ Tuất, Hợi. giờ ngày tháng năm của ngũ kim là: “ngũ kim” là chỉ “kim” trong Ngũ Hành, tức thời gian ứng sự của quẻ Kiến, có thể đoán giờ ngày tháng năm Kim: Canh, Tân, Thân, Dậu mà thành sự (các quẻ khác cách giải cũng như vậy).

- 2/ Ngôi hàng 1,4,9: quẻ Kiển vượng tướng ở tháng một, tháng tư, tháng chín là Kim chính là ngôi của quẻ Kiển. Ngôi hàng 1,4,9 tức người đó là con đầu (một) hoặc thứ tư, hoặc thứ 9. Các quẻ khác cách nói cũng cũng như thế.
- 3/ Số 1,4,9: có nghĩa là lệnh 9 của tháng giêng, tháng tư; hoặc là số 1, hoặc 4, hoặc 9 hoặc là 149: cụ thể là bao nhiêu phải tùy sự việc mà đoán. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự.
- 4/ Tháng Thìn Tuất Sửu Mùi giờ ngày tháng năm: Mùi, Thân: quẻ Khôn ngũ hành thuộc Thổ, gặp tháng Thổ: Thìn Tuất Sửu Mùi thì vượng. Thời gian ứng sự của nó có thể đoán vào tháng năm hoặc ngày giờ Thìn Tuất Sửu, Mùi. Vị thân là phương vị của quẻ Khôn nên còn có thể đoán quẻ Khôn vào tháng năm hoặc ngày giờ Mùi, Thân. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự. Dưới đây là các biểu tượng vạn vật thuộc sắp xếp theo mẫu tự

## **ĂN UỐNG**

(Ăn uống): Thịt chim trĩ, chim công, hãm xào, thức ăn kho, thịt khô, thịt chín.

## **BÁT MÔN TIỂU ĐỘN**

Bát môn là tám cung, tám cửa Khâm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Kiển, Hưu, Sanh, Thương, Đổ, Kiển, Tử, Kinh, Khai đối với cung Ly thuộc cảnh môn sở thuộc 6 ngày: Ất Dậu, Bính Tuất, Đinh Hợi, Kỷ Dậu, Canh Tuất, Tân Hợi, Khôn nên xuất hành xấu lắm.

## **BỆNH TẬT**

(Bệnh tật): Bệnh mắt, bệnh tim, bệnh ở thượng tiêu (vùng ngực) mùa hạ dễ bị nóng, bệnh dịch.

## **BÓI KIỂU**

Trong phạm vi bói Kiểu Ly ứng về bình an, ở hay thái.

## **CẦU DANH**

(Cầu danh): có danh, hợp với chức ở phía Nam, nhậm chức quan văn, dễ nhận chức về lò luyện.

## **CẦU TÀI**

(Cầu tài): có cửa thì nên cầu phía Nam, có cửa về văn thư, mùa đông có mất mát.

## **CHỮ SỐ**

(Chữ số): 3,2,7

## **CHỮ TÊN HỌ**

(Chữ tên họ): Tên nhân sĩ có chữ thứ ( ) hoặc chữ nhân đứng ( ) bên cạnh, ngôi hàng 3,2,7.

## **ĐỊA LÝ**

(Địa lý): phương Nam, chỗ đất gò cao, chỗ có lò, đất khô liếm, mặt đất khô.

## **ĐỘNG VẬT**

(Động vật): chim trĩ, chim công, rùa, ba ba, ốc trái, cua.



## **GIAO DỊCH**

(Giao dịch): có thể thành, nên giao dịch về việc văn thư

## **HỘI KIẾN**

(Hội kiến): có thể gặp người phương Nam, mùa đông không thuận lợi, mùa thu sẽ gặp được tài sĩ văn thư thâm án.

## **HÔN NHÂN**

(Hôn nhân): không thành, lợi về kết hôn với trung nữ, mùa hè dễ thành, mùa đông không lợi.

## **KIỆN TỤNG**

(Kiện tụng): dễ tan, đơn thư hoạt bát, động, lời kiện rõ ràng.

## **NGŨ SẮC**

(Ngũ sắc): đỏ, tím hồng.

## **NGŨ VỊ**

(Ngũ vị): đắng.

## **NHÀ CỬA**

(Nhà cửa): nhà hướng Nam, nhà sáng, cửa sổ sáng, nhà ào, hư thất.

## **NHÀ Ở**

(Nhà ở): yên ổn, yên lành, mùa đông không yên, hỏa hoạn.

## **NHÂN VẬT**

(Nhân vật): trung nữ, văn nhân, bụng to, người mắt có tật, người đội mũ giáp.

## **PHẦN MỘ**

(Phần mộ): mộ hướng Nam, năm không có cây cối, huyết dương, mùa hạ sẽ xuất hiện văn nhân, mùa đông không lợi.

## **PHƯƠNG HƯỚNG**

(Phương hướng đi): phương Nam

## **SINH ĐẼ**

(Sinh đẻ): dễ sinh, đẻ con gái thứ, mùa đông có tổn thất, nên ngồi hướng Nam.

## **TÍNH CÁCH**

(Tính cách): nơi văn hóa, tài học thông minh, khiêm tốn trong giao tiếp, làm việc sách vở, mỹ lệ.

## **TÍNH VẬT**

(Tính vật): lửa, sách, văn, chữ khắc trên mai rùa, xương, vũ khí, áo khô, vật khô.

## **THÂN THỂ**

(Thân thể): mắt, tim, thượng tiêu

## **THIÊN THỜI**

(Thiên thời): ban ngày, điện, cầu vòng, rặng mây màu.

## **THỜI GIAN**

(Thời gian): tháng năm mùa hạ, giờ, ngày, tháng, năm:  
Ngo hòa; ngày ba, hai, bảy.

## **XUẤT HÀNH**

(Xuất hành): có thể đi. hợp với đi về phía Nam, đi về  
việc văn thư. mùa đông không nên, không nên đi  
thuyền.

# VẬN MẠNG TRỌN ĐỜI LY CỦA CHỦ NHÀ MẠNG LY

Bát quái của kinh chu dịch nếu đem so sánh với hành tinh trong thái Dương hệ ta sẽ thấy có sự tương đương về bản chất như:

- KIẾN tương đương với KIM TINH (ve'nus) thuộc hành KIM
- KHẨM tương đương với THỦY TINH (Mercure) thuộc hành THỦY
- CẤN tương đương với THỔ TINH (Saturne) thuộc hành THỔ
- CHẤN tương đương với MỘC TINH (Jupiter) thuộc hành MỘC
- TỐN tương đương với HẢI VƯƠNG TINH (Neptune) thuộc hành MỘC
- LY tương đương với HỎA TINH (Mars) thuộc hành HỎA
- KHÔN tương đương với DIỆM DƯƠNG TINH (pluton) thuộc hành THỔ
- ĐOÀI tương đương với THIÊN VƯƠNG TINH (Ura

nus) thuộc hành KIM

Theo tài liệu của KYSERLING NE'KIPHORE và TÀO TUYẾT LONG để biết.

Công Danh	Bản Tính	và Nhân Cách
Tình Duyên	Năng Khiếu	Tài Lộc
Thân Thế	Sự Nghiệp	Thọ Yếu
Cuộc Đời	Giàu Sang	Nghèo Hèn

Dưới đây chúng tôi sẽ giải thích rõ về đặc điểm và vận mạng của chủ nhà mạng Ly.

## **CHỦ NHÀ MẠNG LY**

Tương Đương Với Hỏa Tinh (Mars) thuộc hành Hỏa

### **BẢN CHẤT**

Bản chất hào hùng, biết thương người và có óc tự lập, tự cường, không trông cậy vào người khác có nhiều sáng kiến cao cả là con người rộng lượng, biết người biết mình nên công việc gì cũng hỏi ý kiến tất cả mà không bao giờ quyết định một mình, làm gì cũng hết lòng, hết dạ, muốn tất cả những kẻ chung quanh đều phải bắt chước làm công việc của mình mà không bắt chước theo ai, có tinh thần rộng lớn và cao siêu, muốn lên tới cao xanh chứ không bao giờ nghĩ chuyện dưới đất, tuy vậy đối với mọi người rất ôn hòa và khả ái, biết phục thiện và giúp đỡ kẻ không may, có tư tưởng tiến bộ và hy vọng nhiều việc lớn.

## **SỞ THÍCH**

Ham thích khai thác và tất cả khả năng, không bao giờ chịu thiệt thòi, lúc nào cũng tìm tòi và nhất định thắng mới nghe, bắt thiệp và lạnh lẽo làm quyến rũ mọi người khi mới biết nhau, làm cho mọi người cảm mến và thích thú về tài hùng biện của mình, thích làm những chuyện phiêu lưu, mạo hiểm, đào tạo những cái mới, không thích dùng những cái cũ, tánh rất táo bạo, cương trực và cứng rắn, nên thích thắng lợi hơn là thất bại.

## **TÌNH DUYÊN**

Vấn đề này rất là quan trọng trong cuộc đời, thay đổi thường xuyên, xem tình duyên chỉ là một sự dừng chân tạm nghỉ bên đường, lúc yêu cũng thiết tha lắm, người ta có thể tưởng là có thể đi đến hạnh phúc, nhưng rồi không bao giờ còn nghĩ đến khi đã bước chân đi. Hạnh phúc là một vấn đề hết sức khó khăn cho vận số này, nếu đã được xây dựng hạnh phúc thì cũng bị gãy đổ nữa chừng, không bao giờ tìm ra chân thật và hạnh phúc lâu dài. Tuy vậy ta cũng được hạnh phúc là những người có được một bản lĩnh và sự hoạt động như ta. Nếu là giới nam thì rất được sự quyến rũ, nếu là phái nữ, thì được chiều chuộng và có số đào hoa.

## **CÔNG DANH**

Công danh thì hẳn lên cao, có một nền học thức có vững chắc và thường nắm quyền lãnh đạo một cơ sở hay một binh chủng, một công xưởng, hay một hãng buôn hơn là làm việc có tánh cách tạm bợ, quyến uy, công danh càng lên cao bao nhiêu thì cuộc đời càng trở nên khắc khe và có

thể trở nên độc tài. Tóm lại công danh có phần hưởng được hoàn toàn như sự mong muốn của mình.

## **SỰ NGHIỆP**

Sự nghiệp thành công vĩ đại, vì tài sáng tạo và óc khai thác đến mức độ tốt cùng, hoàn thành sự nghiệp không mấy khó khăn, tuy nhiên vào khoảng giữa cuộc đời thì suy sụp và đổ vỡ nhưng sau đó gầy dựng trở lại cũng chẳng bao lâu nhưng lần này bền vững như núi Thái Sơn, không bao giờ lay chuyển cho đến cuối cuộc đời.

## **TÀI LỘC**

Tài lộc thường vô thì rất nhiều, chứ không phải từ từ hay kiếm từ đồng, chèn từ cắc, mà sự may mắn được trùng hợp với hoàn cảnh nên tiền bạc vẫn được dồi dào, ít khi có thất bại về vấn đề này. hậu vận lại càng vào nhiều hơn nữa, không sợ sụp đổ về vấn đề tài lộc.

## **CUỘC ĐỜI**

Cuộc đời có nhiều giai đoạn khác biệt, giai đoạn đầu cũng có nhiều ưu tú và khổ nài nhiều về bước đường công danh sự nghiệp nhưng sau đó thì cuộc đời bắt đầu dễ chịu nhưng vẫn còn khó khăn, cho đến khi công danh lên đến mức độ cao thì cuộc đời mới ung dung tự tại.

## **THỌ YẾU**

Số này không thọ tuổi già, nhưng không có yếu tướng chỉ sống vào bậc trung bình của số kiếp vào khoảng hai phần ba cuộc đời thôi.

## **Ý THƠ BỔ SUNG**

*Cung Ly, chánh hướng Nam phương,  
Ai nhầm cung ấy tánh người nóng thay.*

*Số này con trai khó nuôi,  
Qua hạn bốn tuổi lớn lên nên người.  
Số gái cũng lắm truân chuyên,  
Nợ duyên lắm lúc long đong thăm sầu.*

*Căn số trời định vậy thì,  
Trai thay đổi vợ, gái thì lao đao.  
Tuổi thơ chẳng được phỉ nguyên,  
Tuổi già hưng thịnh, môn đình sum vịnh.*

*Cho hay số phận tư trời,  
Gian nan lúc nhỏ, hòa vui cơn già.  
Số này sống sáu mươi ba (63),  
Ăn ở nhân đức sống ngoài bảy mươi (70).*

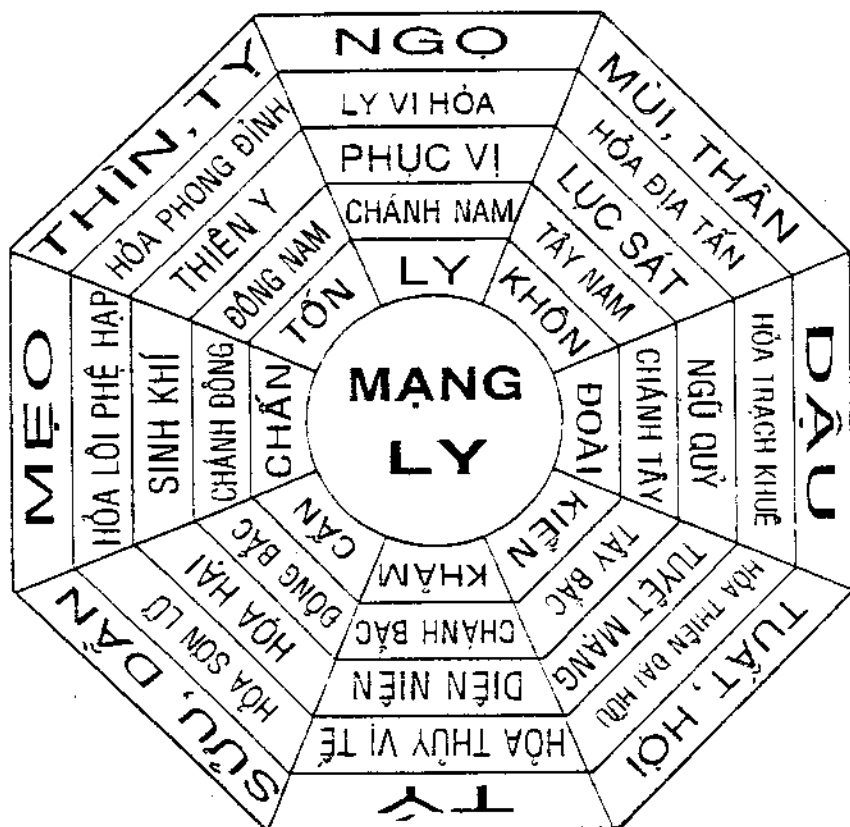
*Khi thác gặp tiết Đông Thiên,  
Cháu con đưa đón, cảm thông vô hồi.  
Có cổ nhạc có Sư Tăng,*

*Tụng kinh phổ độ hồn về Tây Phương.*

Tuổi Ngọ làm nhà trở cửa cái về hướng Chánh Nam là hướng sanh, hay là hướng Đông Nam cũng khá.



# BÁT QUÁI ĐỒ CỦA CHỦ NHÀ MẠNG LY



# **PHƯƠNG HƯỚNG XÂY NHÀ CỦA NGƯỜI MANG LY**

## **CHỦ MẠNG LY CHỌN HƯỚNG LY (Chánh Nam)**

### **ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Phục Vị là quẻ Ly vì Hỏa trong kinh chu dịch. Theo lý thuyết hướng nhà này là Thứ Cát nhưng thực tế kỵ không nên sử dụng vì Phục Vị thuộc sao Tả Bô Âm Thủy còn cung Ly thuộc âm hỏa khắc hại con gái thứ.

## **CHỦ MẠNG LY CHỌN HƯỚNG KHÔN (Tây Nam)**

### **ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở huộc cung Lục Sát là quẻ Hỏa Địa Tán trong kinh chu Dịch. Chủ nhà kỵ vạ miệng (khẩu thiệt) tiền bạc hao hụt, thứ hung.

## **CHỦ MẠNG LY CHỌN HƯỚNG ĐOÀI (Chánh Tây)**

### **ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Ngũ Quỷ là quẻ Hỏa Trạch Khuê trong kinh chu Dịch. Chủ nhà bị hỏa tai, bệnh

tật, hao tán, đại hung.

**CHỦ MẠNG LY CHỌN HƯỚNG KIẾN**  
(Tây Bắc)

**ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Tuyệt Mệnh là quẻ hỏa thiên đại hữu trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà bị mưu hại, tổn thọ, đại hung.

**CHỦ MẠNG LY CHỌN HƯỚNG KHÂM**  
(Chánh Bắc)

**ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Diên Niên là quẻ Hỏa Thủy Vị Tế trong kinh Chu Dịch. Gia đình vợ chồng sống hòa thuận, vui vẻ, tăng phú quý, thú cát nhưng cung không nên dùng nhà này vì Diên Niên thuộc sao Vũ Khúc dương Kim, còn cung Khâm thuộc dương thủy, có hại cho con tai thứ

**CHỦ MẠNG LY CHỌN HƯỚNG CẤN**  
(Đông Bắc)

**ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Họa Hại là quẻ sơn lữ trong kinh chu dịch. Chủ nhà bị suy bại, thua kiện, thứ hung.

**CHỦ MẠNG LY CHỌN HƯỚNG CHẤN**  
(Chánh Đông)

**ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung sinh kní là quẻ Hỏa Lôi Phê Hạp trong kinh Chu Dịch chủ nhà đại phú quý, nhiều

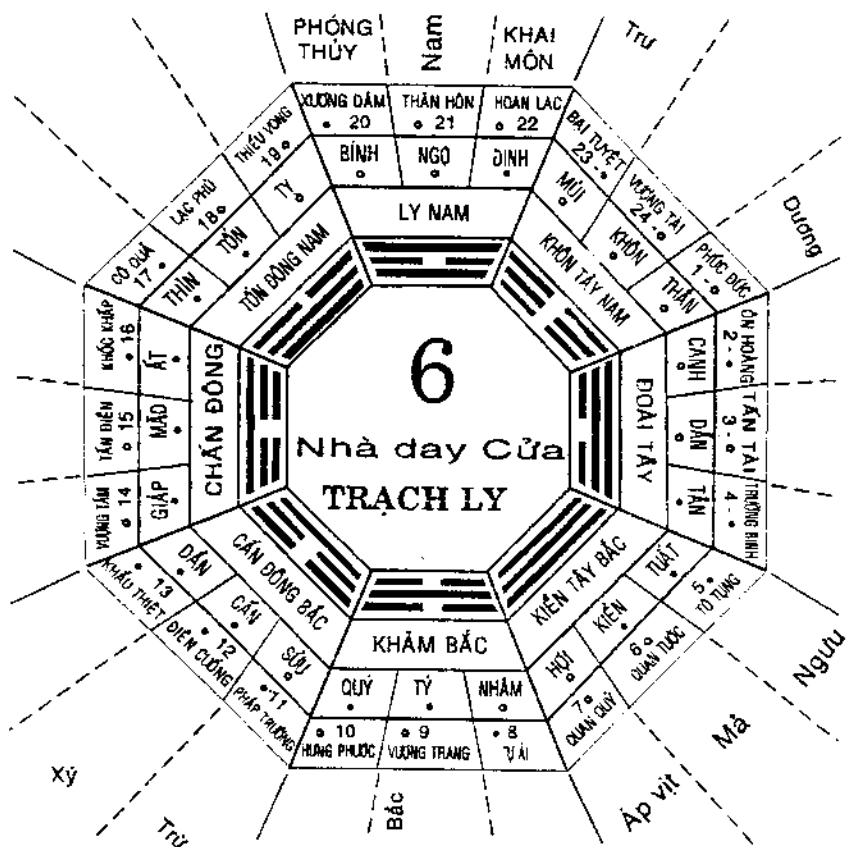
tài lộc thượng cát.

**CHỦ NHÀ MẠNG LY CHỌN HƯỚNG TỐN  
(Đông Nam)  
ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Thiên Y là quẻ Hỏa Phong Đỉnh trong kinh chu dịch. Chủ nhà giàu có, vô bệnh tật, đa tài lộc thượng cát.

*Lưu Ý:*

*Nếu khinh xuất mà xây cất nhà cửa, cánh hướng về các đại kỵ, thứ kỵ đã kể trên hoặc nghe biết mà không chịu sửa chữa bằng cách dời đổi hay xoay lại bếp lò, nhà trên để trấn áp hung thần, giải trừ tai họa thì khó tránh khỏi những tai biến xảy ra trong một thời gian sớm hay muộn.*



## chọn phương hướng trổ cửa CỦA CHỦ NHÀ MẠNG LY

Ngo sơn ,Tý hướng, Đinh Sơn, Quý hướng, Bính Sơn, Nhâm hướng. Trạch này lợi về năm, tháng Dần, Mão, Tỵ, Mẹo, Ngọ nhập mộ là Tuất phương trung ứng vào trung nữ (con gái thứ 2) Bốn cung là phục vị cát. Phối Tốn là Thiên Y Chấn là Sinh Khí, Khâm là Diên Niên, đều là chính phối, nhưng trong đó Khâm có binh xung khắc. Nếu Kiền là Tuyệt Mạng, Khôn là Lục Sát, Đoài là Ngũ Quỷ, Cấn là Họa Hai không phải là phối cát. Ly là cứu tử hỏa tinh, hợp được với tứ lục-mộc tinh đáo bốn cung là tạo sinh phương, tam bích tại Cấn cũng là sinh khí, thất xích tại Chấn, tuy khí chưa có thuần, nhưng thực là sinh phương, lục bạch tại Khôn, nhị hắc tại Đoài, mọi sự đều cát, bạch tại tốn, giếng nước, bếp lửa đều dùng được, tiểu môn, đại môn đều có thể mở được. chỉ có giáp ất là mộc phương thì cát lợi. Nếu dùng nhị môn cũng không nên khai chính diện, thắng đối với nhau, nên lệch về bên tả là nhâm vị, chuyển đến Chấn mà ra thì tốt lành ! Nếu Tý hướng thì không nên mở cửa ở đó, mở ở quý thì cung cát lợi. Tóm lại là: ở thắng vị đó không nên 2 cửa làm đối diện, đưa 2 vị là nhâm hoặc quý mở cũng tốt lành.

# CỬA CÁI VÀ CHỖ ĐẶT BẾP LÒ \_\_\_\_\_

## QUAN HỆ VỚI

## **CHỦ NHÀ MẠNG LÝ**

- Một ngôi nhà có 7 chỗ quan hệ tức là có ảnh hưởng tốt xấu: Cửa ngõ, cửa cái, cửa phòng, cửa bếp, chủ nhà hay sơn chủ, bếp và hướng bếp.

- Trong 7 chỗ quan hệ có 3 chỗ chính yếu ảnh hưởng trọng đại để quyết định ngôi nhà tốt hay xấu. Còn 4 chỗ kia thuộc hàng thứ yếu (phụ thuộc) ảnh hưởng bình thường, chỉ có thể bớt tốt xấu mà thôi.

- Cửa cái là một nơi chính yếu, vì nó là lối đi vào nhà, nếu mở trúng tại cung tốt tức như người đi vào chốn may mắn, bằng mở tại cung xấu tức như người đi vào chốn nguy hiểm, tới tẩm, chông gai. Cửa cái là mẹ sanh ra các Du Niên cho chủ nhà, cho sơn chủ và cho bếp. Vì vậy nên hể chủ nhà, sơn chủ và bếp thừa Du Niên tốt tức cửa cái tốt, vì mẹ tốt mới sanh ra các con tốt, bằng thừa Du Niên xấu tức cửa cái xấu, vì mẹ xấu mới sanh con xấu.

- Chủ nhà hay sơn chủ đều là nơi chính yếu, trụ cột, chủ yếu, làm chủ toàn thể ngôi nhà cho nên gọi là chủ nhà, là sơn chủ. Nếu nó được ở nhằm cung tốt và thừa Du Niên tốt hay

Sao tốt là nhà ở thịnh vượng và yên lành. Bằng ở nhằm cung xấu và thừa Du Niên xấu hay Sao xấu là nhà ở suy vi, chẳng yên.

- Bếp là chỗ chính yếu vì nơi sinh dưỡng nuôi sống con người, nếu được an trí nơi cung tốt và thừa Du Niên tốt thì sự sinh dưỡng mới được lợi ích, ít bệnh hoạn. Bằng an trí tại cung xấu và thừa Du Niên xấu khác nào sự sinh dưỡng bị đầu độc gây ra đủ các bệnh chứng cả tai họa. Trăm bệnh đa số do nơi ăn uống sinh ra.

*Tóm lại: Ba chỗ chính yếu được đặt vào 3 cung tốt là đối với nhau được tương sanh hay tỷ hòa và 3 cung đều thừa cát Du Niên hay cát tinh thì quyết định một ngôi nhà thịnh vượng. Bằng trái lại đặt vào 3 cung xấu là đối với nhau tương khắc và đồng thừa hung Du Niên hay hung tinh thì quyết định ngôi nhà suy bại.*

Sự sai biệt trong 4 chỗ thứ yếu:

- Trong 4 chỗ thứ yếu thì hướng bếp thì có tầm quan trọng hơn cả, kế đó là cửa phòng và cửa bếp, sau hết là cửa ngõ. Người xưa không kể tới cửa ngõ, có lẽ vì nó không thuộc về ngôi nhà. Phần này được nói gọn lại là cửa cái, chủ nhà và bếp. Cửa cái là chỉ nói cửa cái chứ không phải là cửa phòng hay cửa bếp. Chủ nhà là nói chủ nhà ở tịnh trạch, là nói sơn chủ ở Đông Trạch và biến hóa trạch, bếp là nói tại chỗ đặt lò hay cà ràng nấu ăn chứ chẳng luận tới hướng mở cửa của cái nếp.



## 1. CHỦ NHÀ MẠNG LY MỞ CỬA CÁI HƯỚNG LY (CHÁNH NAM) PHỤC VỊ

(Cửa cái tại Ly (Chánh Nam), chủ nhà hay sơn chủ cũng tại Ly).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hóa diệm trùng trùng, vô nam nữ.

Ý nghĩa: Lửa sáng chấp chồng, không trai gái. Hóa là lửa chỉ vào Ly. Một lửa cũng sáng hướng chỉ hai lửa cho nên nói là lửa sáng (hóa diệm). Ly gặp Ly cho nên nói là chấp chồng (trùng trùng). Vô nam nữ: không có con trai, con gái.

- Từ cửa Ly (Chánh Nam) biến 8 lần tới chủ Ly được Phục Vị cho nên gọi là Phục Vị trạch. Phục Vị mộc sanh Ly hóa là tinh sanh cung, lại mộc hợp với Đông tứ Trạch là ngôi nhà này. Nhờ vậy sơ Niên cũng được phát tài, nhưng không giàu lớn, vì Phục Vị sao tốt phụ thuộc. Ly với Ly là hai nữ ở chung thuận âm bất trưởng (không lớn lên được), nhà không thêm người, nam nhân đoán thọ. Ở lâu dễ có cánh góa bụa, không đẻ phải nuôi con người khác làm thừa kế tự.

Cửa Ly (Chánh Nam) với chủ Ly phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Bếp Kiền (Tây Bắc) kim đối với cửa Ly (Chánh Nam) chủ Ly đều bị khắc và biến sinh 2 Tuyệt Mạng khiến ki nam nhân chết yếu, tuyệt tự, tán tài, bị ghé độc, tật mắt, đau đầu, đàn bà góa chường quán gia đình.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Bếp Khảm (Chánh Bắc)

... đối với cửa Ly (Chánh Nam) chủ Ly là âm dương chính phối và biến sinh được 2 Diên Niên: Đại cát, đại lợi, đầy đủ phúc lộc thọ.

- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) đối với cửa Ly (Chánh Nam) chủ Ly biến sinh 2 Họa Hại: phụ nữ cương ngạnh, kinh mạch bất thường, khí huyết băng lâu, con nuôi chướng quản việc nhà.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Bếp Chấn (Chánh Đông) mộc sanh cửa Ly (Chánh Nam) chủ Ly và biến sinh 2 Sinh Khí hữu khí, thật là một hướng bếp đại cát, đại lợi, đầy đủ phúc lộc thọ. Bếp này có phần tốt nhiều hơn bếp Khảm (Chánh Bắc) vì bếp Khảm (Chánh Bắc) được 2 Diên Niên kim chẳng hiệp với Đông tứ Trạch, còn bếp Chấn (Chánh Đông) được 2 Sinh Khí mộc đẳng diện và hiệp với Đông tứ Trạch (Loại kim hiệp với Tây tứ Trạch, loại mộc hiệp với Đông tứ Trạch).
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) âm mộc sanh cửa Ly (Chánh Nam) chủ Ly và biến sinh được 2 Thiên Y rất phát tài và phụ nữ ưa làm việc lành. Nhưng vì Tốn Ly Ly là 3 cung thuần âm chẳng khỏi cái hai hiểm con nổi dòng, phải nuôi nghĩa tử để bảo dưỡng thân mình.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Bếp Ly (Chánh Nam) hỏa đối với cửa Ly (Chánh Nam) chủ Ly đều được tỵ hòa và biến sinh toàn là Phục Vị mộc đắc vị hợp với Đông tứ Trạch cho nên được liệt vào cát tảo. Nhưng vì 3 Ly thuần âm không thể tương tán và âm nhiều thì âm thịnh mà dương suy cho nên nam nhân đoán thọ và tuyệt tự, phụ nữ nắm quyền nhà.

7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) âm thổ tiết khí của Ly (Chánh Nam) chủ Ly và biến sinh toàn là Lục Sát là hướng bếp bất lợi. Hai hóa đốt khô một thổ thành vô dụng. Lại Khôn Ly Ly là 3 cung thuần âm chẳng sinh hóa cho nên khiếm khuyết nhân丁, nam nhân chết yểu, phụ nữ nắm quyền nhà.

8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Bếp Đoài Chánh Tây) âm kim đối với của Ly (Chánh Nam) chủ Ly phạm thuần âm và phạm toàn là Ngũ Quý, một nhà phụ nữ làm loạn, đoán mạng, chết cách dữ tợn, thường sanh việc quan tụng, khẩu thiệt.

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều luận theo chủ nhà mạng Ly: Nhà có của Ly (Chánh Nam) và chủ Ly thuộc Đông tứ Trạch cho nên đại khái Đông trù thì hiệp với nhà, còn Tây trù đều là các bếp hung hại.*

**2- CHỦ NHÀ MẠNG LY MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KHÔN (TÂY NAM) LỤC SÁT**  
(Cửa cái tại Khôn (Tây Nam), chủ hà hay sơn chủ tại Ly).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Nhân môn kiếm hỏa, đa quá mẫu.

Ý nghĩa: Nhâm môn là cửa người, ám chỉ vào Khôn. Kiến Hỏa là thấy Hỏa (lửa), chỉ vào Ly, vì Ly thuộc Hỏa. Đa quá phụ là nhiều mẹ góa.

- Từ cửa Khôn (Tây Nam) biến 4 lần tới chủ Ly sanh Lục Sát cho nên gọi là Lục Sát trạch. Lục Sát trạch cũng gọi là Tiết khí trạch, như cái hồ dể nước lần lần cạn sạch. Tuy Ly hóa sanh

Khôn thổ nhưng không gọi là sanh mà là tiết khí (hao mòn khí lực) như người nuôi nấng kẻ khác lần lần hết của cái. Khôn với Ly thuận âm nên âm thịnh mà dương suy, phụ nữ nắm quyền nhà cửa, nam nhơn yếu thọ, nhà sanh nổi loạn bất kham (không chịu nổi), ở lâu không khỏi tuyệt hậu tự.

Cửa Khôn (Tây Nam) với chủ Ly phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Đối với cửa Khôn (Tây Bắc) thì bếp Kiền (Tây Bắc) tương sinh và là bếp Diên Niên đẳng diện, rất tốt về mặt tài ngân. Nhưng đối với chủ Ly thì bếp Kiền (Tây Bắc) thọ khắc và tác sinh Tuyệt Mạng khiến cho nam đoán thọ, nữ ở góa.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Đối với chủ Ly thì bếp Khảm (Chánh Bắc) tác sinh Diên Niên nhưng cũng có chỗ tương khắc. Đối với cửa Khôn (Tây Nam) thì bếp Khảm (Chánh Bắc) thọ khắc và là bếp Tuyệt Mạng không tốt.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Cấn (Đông Bắc) tỷ hòa và là bếp Sinh Khí. Tuy Sinh Khí thất vị, nhưng hai Thổ vượng khí sanh kim vẫn phát tài. Nhưng bếp Cấn (Đông Bắc) đối với chủ Ly tuy tương sanh nhưng hổ biến ra Họa Hại khiến chò phụ nữ (Ly hóa) thấy như tao nhã (tương sanh) kỳ thật gian giáo và hung hăng).
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Đối với cửa Khôn (Tây Nam) thì bếp Chấn (Chánh Đông) tương khắc sinh Họa Hại, nhưng đối với chủ Ly thì bếp Chấn (Chánh Đông) tương sanh hổ biến được Sinh Khí hữu khí. Vậy bếp này

## Chuyên Đề Mạng Ly

nửa tốt nửa xấu.

- 5) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam): Bếp Tồn (Đông Nam) khắc cửa Khôn (Tây Nam) và là bếp Ngũ Quý rất hung hại. Bếp Tồn (Đông Nam) đối với chủ Ly tuy tương sanh và hỗ biến Thiên Y nhưng thuần âm không đủ chống với Ngũ Quý đại kỵ về bếp.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Ly (Chánh Nam) là bếp Lục Sát, lại ba cung Khôn Ly Ly toàn âm, ở càng lâu càng thừa thớt nhân đinh. Tuy nhiên bếp Ly (Chánh Nam) đối với cửa Khôn (Tây Nam) và chủ Ly đều tương sanh và tỷ hòa, nhờ vậy sơ niên (lúc đầu) cũng được phát tài.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) đối với cửa Khôn (Tây Nam) và chủ Ly đều được tỷ hòa và tương sanh, nhưng bếp Khôn (Tây Nam) với chủ Ly hỗ biến ra Lục Sát và thuần âm. Như vậy là cái bếp nửa hung nửa cát.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Cửa Khôn (Tây Nam) thì bếp Đoài (Chánh Tây) tương sanh và là bếp Thiên Y đặc vị rất tốt. Nhưng bếp Đoài (Chánh Tây) đối với chủ Ly tương khắc phạm Ngũ Quý đại hung, lại thêm ba cung Khôn Ly Đoài toàn âm. Vậy bếp Đoài (Chánh Tây) này hung nhiều hơn cát, chẳng nên dùng.

**Kết luận:** Tám hướng bếp trên đây đều thuộc về chủ nhà mạng Ly là Lục Sát trạch, và bếp nào, đối với cửa chủ, cũng biến sanh một hung Du Niên, vì một cát Du Niên, đại khái bằng nhau nhưng chi tiết có hơn có kém về sự tốt xấu.

### 3. CHỦ NHÀ MẠNG LY MỞ CỬA CÁI HƯỚNG ĐOÀI (CHÁNH TÂY) NGŨ QUÝ

(Cửa cái tại Đoài (Chánh Tây), chủ nhà hay sơn chủ tại Ly)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hồ hỏa viêm chung, nữ thiếu vong.

Ý nghĩa: Con hồ bị lửa nung đốt: người nữ trẻ chết. Hồ tức là Bạch hồ ám chỉ vào Đoài. Hỏa là lửa chỉ vào Ly, vì Ly thuộc Hỏa. Viêm chung là hơi lửa nóng đốt, ý nói là cửa Đoài kim bị chủ Ly hỏa khắc đốt. Nữ thiếu vong là hàng phụ nữ trẻ chết, vì Đoài thuộc về hàng thiếu nữ và Ly cũng thuộc là hạng trung nữ.

- Từ cửa Đoài (Chánh Tây) biến 2 lần tới chủ Ly thì ra Ngũ Quý cho nên gọi là Ngũ Quý trạch, thuộc loại Đông Tây tương hỗn trạch (Đoài là Tây tứ trạch gặp Ly là Đông tứ trạch, hai phe nghịch nhau mà gặp nhau). Ly là âm hỏa khắc Đoài là âm kim và là thuần âm, phụ nữ làm loạn, vợ đoạt quyền chồng, nam nhân đoán thọ mà phụ nữ cũng yếu vong, số người không thêm mà còn bị chết cách hung dữ, gia sản tiêu bại, tuyệt tự, ma quý tác loạn, bệnh ho hen khạc đàm, bệnh lao... thật là một ngôi nhà nhiều tai họa.

Cửa Đoài (Chánh Tây) với chủ Ly phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp Kiên đặt tại (Tây Bắc): Bếp Kiên (Tây Bắc) kim đới với cửa Đoài (Chánh Tây) tương sinh và là bếp Sinh Khí mọc thất vị, tốt vừa vừa. Nhưng Kiên với chủ Ly tương khắc và hồ biến ra Tuyệt Mạng khiến cho nam nữ đoán thọ.

- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Bếp Khảm (Chánh Bắc) thủy tiết khí của Đoài (Chánh Tây) và là bếp Họa Hại khiến cho nam nữ chẳng sống lâu. Nhưng Khảm với Ly tuy tương khắc song hồ biến được Diên Niên hữu khí là chỗ khá tốt.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) thổ sanh cửa Đoài (Chánh Tây) có đủ âm dương và là bếp Diên Niên đắc vị rất tốt. Còn Cấn với chủ Ly tuy tương sanh nhưng hồ biến ra Họa Hại là chỗ bất lợi bình thường.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Bếp Chấn (Chánh Đông) mộc bị cửa Đoài (Chánh Tây) khắc và là bếp Tuyệt Mạng. Nhà Ngũ Quỷ chứa bếp Tuyệt Mạng sự hung hại chẳng vừa. Tuy bếp Chấn (Chánh Đông) với chủ Ly hồ biến Sinh Khí tốt nhưng không đủ bù trừ sự hung hại.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) mộc với cửa Đoài (Chánh Tây) kim hình chiếu nhau mà làm ra bếp Lục Sát bất lợi. Nhưng Tốn với chủ Ly tương sanh và hồ biến được Thiên Y là chỗ tốt đủ san bằng sự bất lợi do Lục Sát sanh ra.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Bếp Ly (Chánh Nam) hỏa khắc cửa Đoài (Chánh Tây) kim và chính biến ra bếp Ngũ Quỷ đại hung hại. Bếp Ly (Chánh Nam) với chủ Ly hồ biến ra Phục Vị tốt tầm thường.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) thổ với cửa Đoài (Chánh Tây) chính biến Thiên Y, với chủ Ly hồ biến Lục Sát. Đây là hướng bếp nửa tốt nửa xấu.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Bếp Đoài (Chánh Tây)

kim với cửa Đoài (Chánh Tây) tác Phục Vị thất vị chẳng tốt bao nhiêu. Còn Đoài với chủ Ly tương khắc và hỗ biến ra Ngũ Quý rất hại.

***Kết luận:** Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Ly là Đông Tây tương hỗn trạch. Vì vậy bếp nào cũng biến sanh một hung Du Niên và một cát Du Niên, không có bếp nào trọn hung hay trọn cát.*

#### **4. CHỦ NHÀ MẠNG LY MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KIỀN (TÂY BẮC) TUYỆT MẠNG**

(Cửa cái tại Kiền (Tây Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Ly).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Kiền Ly: quá cân, sinh nhân tật.

Ý nghĩa: Nhà đặt cửa cái tại Kiền (Tây Bắc) và chủ phòng hay sơn chủ tại Ly thì ở góa, sanh bệnh tật mắt.

- Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 7 lần tới chủ Ly thừa Tuyệt Mạng cho nên gọi là Tuyệt Mạng trạch. Là một cái nhà dây đầy tuyệt khí, sanh ra tán tài, bị trộm cướp, mất mát, sống cảnh cô đơn, không con nối hậu. Ly thừa Tuyệt Mạng tức Ly chủ động tai họa. Ly thuộc hỏa mà hỏa vọng lộn thì hay làm ra chúng mờ mắt, nhức đầu, sanh ghé độc. Ly khắc Kiền tức Kiền thọ thương. Kiền thuộc cha, ông, già cả thế nên các bậc hạng người đó phải chịu tai ương và hay bị chết ngang (không đáng chết mà chết).

Cửa Kiền (Tây Bắc) với chủ Ly phối 8 chỗ đặt bếp:

1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Cửa Kiền (Tây Bắc) mà bếp cũng Kiền tức là bếp Phục Vị thất vị, chẳng được lợi ích



chỉ. Bếp Kiền hồ biến với chủ Ly sanh ra Tuyết Mạng, rất tai hại, tai họa chẳng ít. Đây là một cái bếp hung hoan chẳng vừa.

- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Bếp Khảm (Chánh Bắc) đối với cửa Kiền (Tây Bắc) tương sanh nhưng biến thành bếp Lục Sát thì cái tương sanh ấy không có cái khí thể tự tại, chẳng khác nào mình được kẻ hung ác thương yêu dăm đầu cho là hữu hạnh. Đúng hơn là phải nói Khảm thủy làm tiết khí Kiền kim, ấy là nấp làm cho cửa tiêu mòn khí lục. Vậy nên bếp Lục Sát khiến kho tán tài, khắc vợ, khiến cho con người sa ngã tẩu sắc: phóng túng, dâm dăng. Cũng có một chỗ tốt là bếp Khảm (Chánh Bắc) hồ biến với chủ Ly được Diên Niên, bớt được một phần tai họa, nhưng yếu lắm vì Diên Niên kim không hợp với chủ Ly là Đông tứ Trạch. (Trong 3 cung chính yếu, cung chủ gọi là cung trạch).
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 6 lần tới bếp Cấn (Đông Bắc) thừa Thiên Y đẳng diện. Đó là một cái bếp rất tốt cho con cháu, thứ nhất là cho hạng thiếu nam (Cấn thuộc thiếu nam), con hiếu cháu hiền. Nhưng phụ nữ có tánh bạo tợn lắm, vì bếp Cấn (Đông Bắc) hồ biến với chủ Ly sanh Họa Hại (Ly ứng phụ nữ).
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Cửa Kiền (Tây Bắc) mà đặt bếp tại Chấn (Chánh Đông) là bếp Ngũ Quý. Bếp Ngũ Quý rất nguy hại, ở chung với nhà Tuyết Mạng nó càng nguy hại hơn. Ở càng lâu càng sanh nhiều hoạn nạn cho gia chủ, cho mọi người trong nhà, thứ nhất là

cho hạng trưởng nam (Chấn vị trưởng nam). Duy có một điều tốt là bếp Chấn (Chánh Đông) hỗ biến với chủ Ly được Sinh Khí hữu khí, sinh kế khá được.

- 5) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam): Cửa Kiền (Tây Bắc) mà đặt bếp tại Tồn (Đông Nam) là bếp Họa Hại. Tồn thuộc âm và thuộc trượng nữ thừa Họa Hại lại bị Kiền khắc cho nên tai họa ứng vào hàng trưởng phụ, hàng con gái cá, chẳng bị xảy thai hay con chết trong bụng thì cũng vì vụ sanh sản mà lâm bệnh rồi tử vong, yếu thọ.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Cửa tại Kiền (Tây Bắc) mà đặt bếp Ly (Chánh Nam) là bếp Tuyệt Mạng, một cái bếp rất hung nguy. Bếp Tuyệt Mạng lại ở trong nhà Tuyệt Mạng, tuyệt khí đầy nhà khiến cho hao tài, mất của, bị trộm cướp, quanh hiu hông con cái, bệnh hoạn tại mắt và đầu. Kiền là hạng ông, cha, Ly là hạng trượng nữ phải chịu ảnh hưởng nhiều hơn những người khác.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Cửa tại Kiền (Tây Bắc) mà đặt bếp tại Khôn (Tây Nam) là bếp Diên Niên đắc vị, đó là một cái bếp tốt. Tuy bếp Khôn (Tây Nam) hỗ biến với chủ Ly gặp Lục Sát, nhưng cũng còn được cái Khôn với Ly tương sanh. Tóm lại bếp Khôn (Tây Nam) chính biến tốt mà hỗ biến xấu là phần lợi nhiều hơn hại.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Cửa tại Kiền (Tây Bắc) thì bếp Đoài (Chánh Tây) là bếp Sinh Khí, nhưng Sinh Khí thất vị. Còn bếp Đoài (Chánh Tây) hỗ biến với chủ Ly sanh ra Ngũ Quý. Như vậy, tuy Sinh Khí chính biến nhưng thất vị không hẳn bù bằng với cái hại Ngũ Quý. Vả lại không bao giờ nên cho Ngũ Quý dính lú tới bếp.

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc về chủ nhà mạng Ly. Nhà Tuyệt Mạng vốn quá hung hại, dầu gặp bếp tốt cũng không biến đổi cho nhà trở nên tốt, huống chi gặp bếp xấu ắt thêm tai họa.*

## 5. CHỦ NHÀ MẠNG LY MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KHÁM (CHÁNH BẮC) DIỄN NIÊN

(Cửa cái tại Khám (Chánh Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Ly).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thủy Hóa ký tế, đại kiệt xương.

Ý nghĩa: Nước lúa đã điều hòa, thịnh tốt lớn. Thủy là nước chỉ vào Khám, Hóa là lúa chỉ vào Ly. Nước với Lúa vốn khắc kỵ nhau, nhưng đã điều hòa âm dương (Khám, dương Ly, âm) cho nên vẫn có lợi ích (ký tế). Thủy hóa ký tế là một trong 64 quẻ nơi Kinh dịch. Cát tức là cát là tốt. Xương là thịnh.

- Từ cửa Khám (Chánh Bắc) biến 3 lần tới chủ Ly được Diễn Niên cho nên gọi là Diễn Niên trạch. Diễn Niên tức Vũ khúc kim tinh sanh 4 con cường thịnh, vợ chồng chánh phối, giàu có thì chắc mà cũng được phần sang (danh vọng). Điền sản, lục súc và nhân khẩu là ba thứ, thứ nào cũng hưng vượng. Nhưng ở lâu năm rồi khiến khắc hại vợ, bụng cùng bao tử đau nhức, mất tật, đó là vì nước với lúa vốn khắc nhau. Nếu dùng bếp Chấn Tồn mộc thì khỏi các tai hại này, vì cửa Khám (Chánh Bắc) mà lại sanh bếp Chấn (Chánh Đông) Tồn mà không còn khắc Ly nữa, rồi Chấn Tồn lại sanh chủ Ly, rất tốt.

Cửa Khám (Chánh Bắc) với chủ Ly phối 8 chỗ đặt bếp:

1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Bếp Kiền (Tây Bắc) kim bị

cửa Khảm (Chánh Bắc) tiết khí và là bếp Lục Sát, tại vị chủ Ly khắc và hồ biến Tuyết Mang làm tổn hại hàng lão ông, sanh ghê độc, hại mắt, góa bụa, nam nữ đoản thọ.

- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Bếp Khảm (Chánh Bắc) thủy đôi với cửa Khảm (Chánh Bắc) tý hòa và là bếp Phục Vị đắc vị rất hợp cho Đông tứ Trạch, đối với chủ Tồn là âm dương chảnh phối tương sanh và hồ oien được Sinh khí hữu khí rất hợp cho Đông tứ Trạch. Bếp Khảm (Chánh Bắc) là cát tảo.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) thổ đôi với chủ Ly là Họa Hại, đôi với cửa Khảm (Chánh Bắc) phạm Ngũ Quý rất bất lợi cho tiểu nhi, phụ nữ điều ác, cưới bầy ba nhiều lần thê thiếp.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Bếp Chấn (Chánh Đông) mộc đôi với cửa Khảm (Chánh Bắc) chủ Ly đều được tương sinh, biến sinh Thiên Y và Sinh Khí, hiệp với Diên Niên trạch thành nhà ba tốt. Đây là một hướng bếp đại cát, đại lợi, không có điều gì chẳng thuận chẳng toại, sanh 3 con, con hiếu cháu hiền.
- 5) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam): Bếp Tồn (Đông Nam) âm mộc đôi với cửa Khảm (Chánh Bắc) dương thủy là âm dương tương sanh và là bếp Sinh Khí đẳng diện, đối với chủ Ly cũng tương sanh và hồ biến Thiên Y hiệp với Diên Niên trạch thành nhà ba tốt, nam thông minh, nữ tuần tú, sanh xuất bọc phụ nữ hiền đức, đệ nhứt tạo nên nhà cửa, người vượng (đông) mà tiền bạc cũng vượng (nhiều) khoa cử đậu liên miên. Bếp Tồn (Đông Nam) nay có phần tốt hơn bếp Chấn (Chánh Đông) vì Tồn với

## Chuyên Đề Mạng Ly

cửa Khám (Chánh Bắc) có đủ âm dương.

- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Bếp Ly (Chánh Nam) hóa đối với cửa Khám (Chánh Bắc) là bếp Diên Niên, âm dương kết hợp, vợ chồng chính phối, rất tốt. Bếp Ly (Chánh Nam) với chủ Ly tý hòa Phúc Vị mộc là tinh sanh cung (Phúc Vị sanh Ly) cũng tốt.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) thổ khắc cửa Khám (Chánh Bắc) thủy và là bếp Tuyệt Mạng khiến cho hàng trung nam thọ khốn, đoán thọ, hiếm con nối dòng. Bếp Khôn (Tây Nam) tiết khí chủ Ly và hồ biến ra Lục Sát cũng là chỗ bất lợi.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Bếp Đoài (Chánh Tây) đối với cửa Khám (Chánh Bắc) là bếp Họa Hại, đối với chủ Ly phạm Ngũ Quý đại hung, khiến cho giới thiệu phụ yếu vong, phụ nữ làm loạn.

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Ly là Đông tứ Trạch cho nên 4 bếp Khám Ly Chân Tồn đều tốt, còn 4 bếp Kiền Khôn Cấn Đoài đều bất lợi.*

## 6. CHỦ NHÀ MẠNG LY MỞ CỬA CẢI HƯỚNG CẤN (ĐÔNG BẮC) HỌA HẠI

(Cửa cái tại Cấn (Đông Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Ly).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Sơn phùng Hỏa hựu, phụ nữ cương.

Ý nghĩa: Núi gặp Lửa đốt, phụ nữ cứng cỏi. Sơn là núi chỉ vào Cấn. Hỏa là lửa chỉ vào Ly, Ly âm hóa thuộc phụ nữ đốt Cấn thổ nên nói là phụ nữ cứng cỏi.

- Từ cửa Cấn (Đông Bắc) biến 5 lần tới chủ Ly ra Hỏa Hại cho nên gọi là Hỏa Hại trạch. Cấn dương thổ là đất khô ráo lại còn bị lửa Ly thiêu hủy quá khô giòn, vô dụng. Ly âm đột Cấn dương là âm thịnh dương suy, nhà này nam nhân nhu nhược mà phụ nữ rất cương ngạnh, hung hăng báo loạn, gia đạo bất hòa. Hoặc vì ghét vợ Chánh mà yêu vợ thứ, hoặc vì kẻ được yêu sanh ra kiên cường... cho nên trong nhà rồi ren vô cùng. Ở lâu tuyệt tự, kinh mạch chẳng điều sanh bệnh huyết băng.

Cửa Cấn (Đông Bắc) với chủ Ly phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Cửa tại Cấn (Đông Bắc) thì bếp Kiền (Tây Bắc) là bếp Thiên Y đắc vị, rất tốt. Nhưng vì bếp Kiền (Tây Bắc) mặt khác bị chủ Ly hỏa khắc khiến cho hàng bậc ông, cha già cá khó thêm tuổi thọ (Kiền với Ly hỗ biến ra Tuyệt Mạng).
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): Cửa tại Cấn (Đông Bắc) thì bếp Khảm (Chánh Bắc) bị khắc và phạm Ngũ Quỷ là cái bếp đại hung hại. Tuy bếp Khảm Chánh Bắc đối với chủ Ly hỗ biến được Diên Niên nhưng sự lợi không đủ bù vào sự hại của Ngũ Quỷ.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Cửa Cấn (Đông Bắc) với bếp Cấn (Đông Bắc) là hai thổ tỷ hòa, sơ niên cũng đáng phát tài qua loa. Còn về sau không tốt vì bếp Cấn (Đông Bắc) với chủ Ly tác Hỏa Hại.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): Bếp Chấn (Chánh Đông) mộc khắc cửa Cấn (Đông Bắc) và là bếp Lục Sát hiểm con. Nhưng bếp Chấn (Chánh Đông) với chủ Ly tương sanh và hỗ biến được Sinh Khí hữu khí là mất rất tốt. Bếp

này lợi nhiều hơn hại.

- 5) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam): Bếp Tồn (Đông Nam) mộc khắc cửa Cấn (Đông Bắc) và là bếp Tuyệt Mệnh ở gia, không con thừa tự. Nhưng bếp Tồn (Đông Nam) đối với chủ Ly tương sinh và hổ biến được Thiên Y là cứu thần, giải bớt cái hung khí của Tuyệt Mệnh.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): Bếp Ly (Chánh Nam) hỏa đốt khô Cấn thổ và là bếp Họa Hại, vợ đoạt quyền chồng, phụ nữ cầm nắm gia sản. Còn bếp Ly (Chánh Nam) đối với chủ Ly là Phục Vị, chẳng đỡ chút nào.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Cửa tại Cấn (Đông Bắc) Bếp Khôn (Tây Nam) có đủ âm dương và là bếp Sinh Khí, ứng về sự phát đạt tiền tài. Bếp Khôn (Tây Nam) với cửa Ly thuần âm và hổ biến Lục Sát là trung triệu cô đơn.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): Cửa Cấn (Đông Bắc) thì bếp Đoài (Chánh Tây) tương sinh và là bếp Diên Niên đẳng diện rất tốt. Nhưng cũng không khỏi một điều rất hung vì bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây) bị chủ Ly khắc và hổ biến ra Ngũ Quý khiến cho thiếu phụ chết một cách hung dữ (Đoài thuộc thiếu nữ, thiếu phụ).

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Ly là Họa Hại trạch. Đối với cửa và chủ, bếp nào cũng biến sinh một cát Du Niên và một hung Du Niên.*

## 7. CHỦ NHÀ MẠNG LY MỞ CỬA CÁI

## HƯỚNG CHẤN (CHÁNH ĐÔNG) SANH KHÍ

(Cửa cái tại Chấn (Chánh Đông), chủ nhà hay sơn chủ tại Ly).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Lôi Hỏa quang minh, phú quý xương.

Ý nghĩa: Sấm Lửa sáng trưng, giàu sang tốt. Lôi là sấm chỉ vào Chấn, Hỏa là lửa chỉ vào Ly. Phàm sấm với lửa gặp nhau thì tủa ra ánh sáng rực rỡ, vì vậy nên nói là quang minh. phú là giàu có, quý là sang trọng (danh vọng), xương là tốt đẹp.

- Từ cửa Chấn (Chánh Đông) biến 1 lần tới chủ Ly được Sinh Khí cho nên gọi là Sinh Khí trạch. Cửa Chấn (Chánh Đông) tương mộc sanh chủ Ly âm hỏa là dương bên ngoài sanh vào âm bên trong rất tốt, sự phát đạt rất

mau. Ly gặp Chấn là lửa gặp mộc cháy sáng bùng, cái khí thể phát đạt rất mạnh. Sinh Khí mộc là chủ tinh lâm Ly hỏa là đắc vị, là tinh sanh cung: sanh 5 con đỗ đạt, chồng vợ hòa hài, gia đạo vẻ vang, điền sản tiến thêm, lục súc hưng vượng, công danh rực rỡ, trai thông minh, gái tuần tú, con cháu đầy nhà, chồng vợ hiền lương và phúc hậu, tuổi sống tới trăm... Thật là ngôi nhà rất tốt, tất chẳng hết lời.

Cửa Chấn (Chánh Đông) với chủ Ly phối 8 chỗ đặt bếp:

1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): dương kim là Tây trù, đối với cửa Chấn (Chánh Đông) và chủ Ly đều bị tương khắc, phạm Ngũ Quỷ cùng Tuyệt Mạng, hung hại quá chừng, những sự bại tuyệt tiếp tục, trăm việc chẳng thuận.

2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): dương thủy là Đông trù,



đối với cửa Chấn Chánh Đông) và chủ Ly biến sinh được Thiên Y cùng Diên Niên hiệp với Sinh Khí trạch thành nhà ba tốt, đại cát, đại lợi. Lại còn một cách hay nữa là bếp Khảm (Chánh Bắc) thủy sanh cửa Chấn (Chánh Đông) mộc, rồi cửa Chấn (Chánh Đông) mộc sanh chủ Ly hỏa, Khảm tuy khắc Ly nhưng nhờ có Chấn, Khảm mắc lo sanh Chấn, giải được cái khắc đó nên nói là cách hay.

- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): dương thổ với Tây trù, đối với cửa Chấn Chánh Đông) với chủ Ly biến sinh Lục Sát và Họa Hại là hướng bếp bại tuyệt, kém thọ, thiếu con.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): dương mộc là Đông trù, đối với cửa Chấn (Chánh Đông) tỷ hòa, đối với chủ Ly tương sanh, biến sinh Phục Vị và Sinh Khí toàn mộc tinh đem vượng khí cho Đông tứ Trạch. Ấy là một hướng bếp tốt.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): âm mộc là Đông trù, đối với cửa Chấn (Chánh Đông) âm dương tỷ hòa và là bếp Diên Niên, đối với chủ Ly tương sanh và hỗ biến được Thiên Y. Như vậy nhờ bếp này mà có thêm Diên Niên và Thiên Y hiệp với Sinh Khí trạch thành nhà ba tốt, đại cát, đại lợi.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): âm hỏa là Đông trù, đối với cửa Chấn (Chánh Đông) là âm dương tương sanh và là bếp Sinh Khí đắc vị, sanh xuất lục phụ nữ hiền lương, hưng gia lập nghiệp, hiền nữ gặp trượng phu, phát phúc. Bếp Ly (Chánh Nam) với chủ Ly tỷ hòa Phục Vị đắc vị cũng thêm tốt một phần.

7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): âm thổ là Tây trù, đối với cửa Chấn (Chánh Đông) chủ Ly tương khắc và tiết khí, biến sinh Hỏa Hại vì Lục Sát, rất bất lợi cho âm nhân cùng lão mẫu.

8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): kim âm là Tây trù, đối với cửa Chấn (Chánh Đông) chủ Ly đều bị tương khắc và biến sinh Tuyệt Mạng cùng Ngũ Quý. Bếp này đại hung.

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây thuộc về chủ nhà mạng Ly, Sinh Khí trạch. Cửa Chấn (Chánh Đông) với chủ Ly thuộc Đông tứ Trạch, cho nên các Đông trù đều có lợi ích, còn các Tây trù đều là những bếp hung hại.*

### 8- CHỦ NHÀ MẠNG LY MỞ CỬA CÁI HƯỚNG TỐN (ĐÔNG NAM) THIÊN Y

(Cửa cái tại Tốn (Đông Nam), chủ nhà hay sơn chủ tại Ly).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Phú quý, pháp tự: Phong Hóa dương.

Ý nghĩa: Giàu sang hiềm hoi con cái: Gió lửa đương đối nhau. Phú quý là giàu có và danh vọng. Pháp tự là thiếu con thừa tự. Phong là gió chỉ vào Tốn, Hóa là lửa chỉ vào Ly. Phong hóa dương là nói Tốn với Ly gặp nhau.

- Từ cửa Tốn (Đông Nam) biến 6 lần tới chủ Ly được Thiên Y cho nên gọi là Thiên Y trạch. Tốn mộc gặp Ly hỏa được cách Mộc hỏa thông minh rất tốt, giàu có cùng sang trọng, phụ nữ tuần tú (tài trí hơn người), trọn nhà ưa làm việc phước đức, hay giúp người lợi vật. Nhưng vì Tốn Ly thuần âm chẳng trưởng tấn về sau, nam nhân đoán thọ, thiếu con thừa tự, sống góa bụa.

Cửa Tồn (Đông Nam) với chủ Ly phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Nam): dương kim là Tây trù, đối với cửa Tồn (Đông Nam) chủ Ly đều bị tương khắc và biến sinh Hỏa Hại cùng Tuyệt Mạng, khiến cho nam nữ đoán thọ, trụ thai, sanh đẻ chết, treo cổ chết.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc): dương thủy là Đông trù, sanh cửa Tồn (Đông Nam) và là bếp Sinh Khí đắc vị, đại cát, đại lợi, phú quý song toàn, hanh thông trên thế. Khảm với chủ Ly hỗ biến được Diên Niên thêm lợi cho nhà ba tốt.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): dương thổ là Tây trù, đối với cửa Tồn (Đông Bắc) là tương khắc và là bếp Tuyệt Mạng, đối với chủ Ly là tiết khí và hỗ biến Hỏa Hại, là hướng bếp hung hại, không con thừa tự, góa bụa, bệnh vàng da, phù thũng, phong tật, đàn bà hung ác bạo dưỡng.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông): dương mộc mà Đông trù, đối với cửa Tồn (Đông Nam) là âm dương tỵ hòa, đối với chủ Ly là âm dương tương sanh, biến sinh Diên Niên cùng Sinh Khí hiệp với Thiên Y trạch thành nhà ba tốt, phú quý tốt đỉnh, nhân đinh càng ở lâu càng thêm đông.
- 5) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam): âm mộc là Đông trù, đối với cửa Tồn (Đông Nam) tỵ hòa và là bếp Phục Vị đắc diện, đối với chủ Ly tương sanh và hỗ biến Thiên cũng thuộc về hạng bếp tốt, duy vì thuần âm nhân đinh bất lợi.
- 6) Bếp đặt tại Ly (Chánh Nam): âm hỏa là Đông trù, đối với cửa Tồn (Đông Nam) tương sanh và là bếp Thiên Y, đối

với chủ Ly tý hòa và hồ biến Phục Vị hữu khí cũng thuộc về hạng bếp tốt, sơ niên đại lợi, nhưng vì thuận âm, ở lâu bớt số nhân khẩu.

- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): âm thổ là Tây trù, đối với cửa Tốn (Đông Nam) chủ Ly là Ngũ Quý và Lục Sát, mọi sự bất lợi, bà cháu bất hòa, phụ nữ làm loạn.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (Chánh Tây): âm kim là Tây trù, đối với cửa Tốn (Đông Nam) chủ Ly đều bị tương khắc và biến sinh Lục Sát cùng Ngũ Quý, rất hại cho nam nhơn, đoán thọ, hiểm con thừa tự, gân xương đau nhức.

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây thuộc chủ nhà mạng Ly, Thiên Y trạch. Cửa Tốn (Đông Nam) chủ Ly thuộc Đông tứ Trạch, vậy nên Đông trù là những bếp tốt, Tây trù là những bếp hung hại.*

## **HÔN PHỐI SỞ THUỘC \_\_\_\_\_ CỦA CHỒNG MẠNG LY**

Những tuổi Khâm, Ly, Chấn, Tốn gọi là Đông tứ mạng nên cưới gá nhau. Còn những tuổi Khôn, Cấn, Kiền, Đoài gọi Tây tứ mạng nên cưới gá nhau mới được nhiều con nhiều phước. Nếu tuổi Đông mạng cưới gá với tuổi Tây mạng phải gian khổ về con cái, không hòa thuận, không phát phước. Như chồng Khâm thuộc Đông mạng, cưới vợ Tốn cũng thuộc Đông mạng được Sanh Khí. Có 5 đứa con hòa thuận, giúp chồng lập nên gia thất. Nếu chồng Khâm là Đông mạng cưới vợ Cấn thuộc Tây mạng, tất phạm Ngũ Quỷ, tuy con được 2 đứa mà gia đạo không hòa, của tiền bị trộm.

Mạng chồng hiệp mạng vợ được Sanh Khí thuộc Tham lang, có 5 đứa con. Hiệp với Thiên Y, thuộc Cự môn, được 3 đứa con. Hiệp với Diên niên, thuộc Võ khúc được 4 đứa con. Phạm Ngũ Quỷ, thuộc Liêm trinh có 2 đứa con. Hiệp Qui hôn thuộc Bồ chúc được nhờ 1 gái thôi. Hiệp Du hôn, thuộc Văn khúc sau nhờ 1 đứa. Phạm Tuyệt Mạng, thuộc Phá quân chịu cảnh Cô đơn. Phạm Tuyệt Mạng, thuộc Lộc tồn không con, được tho. Hãy tường tận sự sanh khác như tử hiệp tuổi chồng vợ. Đường đi vào nhà, bếp núc đặt để đúng phương hướng, cũng quyết được sự có hay không, nhiều hay ít, nuôi được hay không nữa.

Ở chung một nhà có ông bà, cha mẹ, chú bác, anh em, chị em và vợ chồng, nên phân phòng hợp trạch. Em Đông mạng ở phía Đông. Anh Tây mạng ở phía Tây mới được phúc thọ, bằng không hợp thì khó thoát bản yếu. Còn vợ chồng. Ví dụ: chồng Tây mạng nhà ở Tây tứ Trạch nhưng vợ Đông mạng phải làm sao?

Nếu Trụ Bắc phòng: (Phòng ở hướng Bắc). Chồng ở gian phía Tây, vợ ở gian giữa thuộc Khảm Đông Trạch hợp với vợ. Bằng Trụ Nam phòng: Chồng ở gian nhà phía Tây vợ ở Trung gian hoặc gian nhà phía Đông, bởi Trung gian là căn giữa thuộc Ly và gian nhà phía Đông thuộc Tốn đều Đông tứ Trạch hợp mạng vợ. Hoặc ở phòng phía Đông: Chồng ở gian nhà phía Bắc thuộc Cấn hợp mạng chồng, vợ ở Trung gian thuộc Chấn hoặc Nam gian thuộc Tốn đều hợp. Hay là ở phòng phía Tây: Thì chồng ở Trung gian, vợ ở gian nhà phía Nam thuộc Ly, hoặc ở gian nhà phía Bắc thuộc Khảm. Đại để vợ chồng cung mạng chẳng đồng, cứ giữ mạng chồng làm chủ. Các cung khác cũng vậy.

### BÁT SAN TUYỆT MẠNG

Kiên với Ly  
Đoài với Chấn  
Khôn với Khảm  
Cấn với Tốn



Âm khắc Dương

### BÁT SAN NGŨ QUÝ

Kiên với Chấn  
Tốn với Khôn  
Khảm với Cấn  
Đoài với Ly



Dương khắc Dương  
Âm khắc Âm

## LỤC THÂN TƯƠNG HÌNH

Kiên với Khảm  
Cấn với Chấn  
tồn với Đoài  
Khôn với Ly

## BÁT SAN HỌA HẠI

Kiên với Tồn  
Khảm với Đoài  
Cấn với Ly  
Khôn với Chấn

Sau đây là bảng lập thành, có lời bình giải rõ ràng, ai cũng có thể xem qua là hiểu, muốn biết người đó tuổi gì, thuộc cung gì trong 8 cung xem bài cung phi và bảng **BÁT TRẠCH TAM NGUYÊN** để biết rõ cung tuổi của chồng và vợ, qua cột 3 là cung phi của chồng, cột 4 là cung phi của vợ.

Ngoài ra, ta có thể xem 1 trong 8 hình bát quái tùy theo bốn mạng của mình để đoán số vợ chồng bằng cách nhìn chính giữa của bát quái đồ là cung phi của chồng, chung quanh là 8 cung của vợ.

Dưới đây là bảng hôn phối cát hung của vợ chồng số thuộc mạng Ly.

LY	
CÁT	HUNG
Ly - Ly : Cát	Ly - Kiên : Hung
Ly - Khảm : "	Ly - Cấn : "
Ly - Chấn : "	Ly - Khôn : "
Ly - Tồn : "	Ly - Đoài : "

1. TRAI MẠNG LY LẤY GÁI CUNG LY

"Phục vị" (Ly vi hóa)

*Luông Ly chưa hiệp thấy mòi suy*

*Hai hóa gặp nhau tất có khi*

*Nghèo khó bên nhau, giàu tứ biệt*

*Vợ chồng đôi ngã con phân ly*

2. TRAI MẠNG LY LẤY GÁI KHÔN

"Lục Sát" (Hóa địa tấn)

*Một giải ngân hà đã trải qua*

*Vĩ phương Lục Sát khó giao hòa*

*Chăn nuôi vườn ruộng không nên nghiệp*

*Gặp gỡ xa quê tạm gọi là*

3. TRAI MẠNG LY LẤY GÁI ĐOÀI

"Ngũ Quý" (Hóa Trạch khuê)

*Hai ngó Ngũ Quý khắc xung hình*

*Gặp gỡ sau, sao cũng phát sinh*

*Tang tóc mẹ cha sầu tứ tức*

*Mỗi người một ngã hận ly tình*

4. TRAI MẠNG LY LẤY GÁI KIỀN

"Tuyệt Mạng" (Hóa thiên đại hữu)

*Ly Kiền thủy hỏa chớ nên gần*

*Phận móng thà cam chịu rẽ phân*

*Nều được cùng nhau đầu tóc bạc*

*Cháu con nghèo khó, mạng cơ bản*



5. TRAI MẠNG LY LẤY GÁI KHÁM "Diên Niên"  
(Hỏa thủy vị tề)

*Chúng thủy triều nguyên Phước đức sinh*

*Đường hoàng hoa lệ đẹp gia đình*

*Cháu con hiển đạt nên danh phận*

*Giàu lớn số trời giàu nhỏ mình*

6. TRAI MẠNG LY LẤY GÁI CẦN "Họa Hại"  
(Hỏa sơn lữ)

*Hai người khắc phá khó nên duyên*

*Họa Hại buồn thêm lắm lụy phiền*

*Bệnh hoạn triển miên tiền cửa sạch*

*Cháu con nghèo khó lại không hiền*

7. TRAI MẠNG LY LẤY GÁI CHẤN "Sinh Khí"  
(Hỏa lôi phệ hẹp)

*Sinh Khí một vầng ánh sáng tươi*

*Đẹp duyên cảm sắc số do trời*

*Cửa cao nhà rộng con hiền hiếu*

*Lộc thọ vinh sang phúc hưởng đời*

8. TRAI MẠNG LY LẤY GÁI TỐN "Thiên Y"  
(Hỏa phong đỉnh)

*Trai Ly gái Tốn số trời dành*

*Sớm muộn rồi đây cũng rạng danh*

*Con cháu nhờ ơn cha mẹ để*

*Vinh sang phúc lộc thọ ngày xanh*

# CON NỐI DÒNG CỦA CHỦ NHÀ THUỘC MẠNG LY

Bài con NỐI DÒNG ở đây có ý nghĩa như cung tử tức trong khoa tử vi, chuyên lý giải về dòng giới nữ số lượng con cái, trai nhiều hay gái nhiều, có con hay không con, nói khác đi là sự phong túc hay hiếm muộn.

Hạnh phúc giữa cha mẹ và con cái, và hạnh phúc chính bản thân của con cái chủ nhà. Tương lai tổng quát của các con nối chung, (số phận, chết, cách chết, dễ nuôi, khó nuôi, tình trạng con đầu lòng). Muốn hiểu rõ các sự kiện trên đây khoa tử vi cần phải hội đủ: Năm, tháng, ngày, giờ sinh, rất phiền phức vì có nhiều người trên đời này chưa chắc hội đủ các chỉ tiêu đó.

Đối với thuật Phong thủy, chỉ cần biết mạng chủ nhà (cung phi) là có đủ cơ sở để xét đoán các tình huống như.

Hôn nhân của con cái, nếp sống, tật bệnh, tai họa. Dưới đây là bài nói về con nối dòng của chủ nhà thuộc mạng: Ly mạng được Chấn phương lai lộ, Táo khẩu có 5 con trai, được khảm phương là Diên Niên có 4 trai, được Tốn phương là Thiên Y có 2 con.

Phạm vào Kiền phương là Tuyệt Mạng trưởng tử sanh bệnh lao rồi tuyệt tự, phạm vào Cấn là phương Họa Hại, trước tổn

### Chuyện Đề Mạng Ly

con trai thứ 3, trai và gái, sau có 2 con trai. Phạm vào Khôn phương là Lục Sát, vậy tổn thương con gái trưởng, sau có 1 con trai. Phạm vào phương Tuyệt Mạng Táo khẩu lai lộ, dẫn con ở ngoài xa ngàn dặm cũng ứng hại con tuyệt mạng, thân cũng không thọ.

#### LY MẠNG:

(Phục: Khôn, Đoài, Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly: Lục, Ngũ, Tuyệt, Diên, Họa, Sinh, Thiên).

#### HÔN NHÂN

Người Ly mạng nên phối thể Chấn mạng là tốt nhất, Tốn, Khảm là hạng thứ 2, 3. Cầu hôn nên an sàng ở phương Khảm thì dễ cầu hôn.

#### TỬ TÚC:

Ly mạng được Táo khẩu hướng Chấn sẽ có 5 con trai, Táo khẩu hướng Kiền tuyệt tự, hướng Khảm có 4 trai, hướng Tốn 3 trai.

#### TẬT BỆNH:

Ly mạng phạm Kiền phương sẽ sanh bệnh thương phế, ho hen, thổ huyết, phạm vào phương Khôn sẽ sinh bệnh ngược ly, chân to, phù thũng, phạm vào Đoài sẽ sanh bệnh ho đờm, viêm nhiệt, tâm thống, mục thống, phạm vào phương Cấn sẽ sanh bệnh đau ruột non, dương mai, sốt rét, kiết lý.v.v.. Trừ bệnh đều theo phép kể ở trên.

#### TAI HỌA:

Ly mạng phạm vào phương Kiền bị tai họa, lại đánh lộn với

người ở phương Tây Bắc bị bể đầu chảy máu, nếu lai lộ cát thì không, tổn hại cha và con trưởng, người ở lớn, nếu mạng vợ phạm đó thì chịu ông già chửi mắng, lại bị bệnh lao yếu tử. Phạm vào phương Khôn vợ chồng bất hòa, ầm í cãi lộn, có người đàn bà già cá, mặt vàng ở phía Tây Nam xúi dục kiện cáo, bị phá gia, thương tổn mẹ, vợ con gái lớn, con dâu. Nếu phạm nhiều phương hung, mà tảo khẩu lại hướng Khôn, ở lâu tắt thị bị trúng thuốc độc, đàn bà phạm vào thì bị ông, cha, hoặc chồng trách mắng, hoặc bị cước thủng, bệnh tật, phạm vào phương Đoài tổn thương lão mẫu thê thiếp con gái út, vợ lấy trộm, hoặc người ở gái lấy trộm tiền tài mà đào tẩu, còn mất cướp, hóa tai, phạm vào phương Cấn, thì có người trẻ tuổi ở phía Đông Bắc kiện cáo tranh dành phá tài sản, lại tổn thương con gái nhỏ, hoặc người ở gái.

## MỤC LỤC

- Biểu tượng vạn vật sở thuộc cung Ly	7
- Vận mạng trọn đời của chủ mạng Ly	13
- Bát quái đồ của chủ nhà mạng Ly	18
- Phương hướng xây nhà của người mạng Ly	19
- Chọn phương hướng trở cửa của chủ nhà mạng Ly	23
- Cửa cái và chỗ đặt bếp lò của chủ nhà mạng Ly	24
- Hôn phối sở thuộc của chồng mạng Ly	46
- Con nối dòng của chủ nhà mạng Ly	51

